

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo: **TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

Mã số: **52340201**

Trình độ đào tạo: Đại học

Chuyên ngành: **NGÂN HÀNG**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động ngân hàng trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của tài chính doanh nghiệp, hoạt động tài chính khu vực nhà nước, hoạt động tài chính quốc tế và tài chính của các doanh nghiệp; nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực ngân hàng; có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống ngân hàng, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

1.2.2. Về kỹ năng:

Về kỹ năng chuyên môn : có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động của các loại hình ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong nước và quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, thanh toán quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro, vv. và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác trong đầu tư, tài chính doanh nghiệp, tài chính công, tài chính quốc tế;

Về kỹ năng mềm : có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn một cách khoa học; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng bán hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan.

1.2.3 Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

- Vị trí việc làm

- + Chuyên viên tại các Ngân hàng thương mại: Chuyên viên nguồn vốn, chuyên viên tín dụng, chuyên viên đầu tư, chuyên viên kế toán, chuyên viên quản trị rủi ro, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên quan hệ khách hàng, giao dịch viên, kế toán viên, kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, vv. và chuyên viên tại các tổ chức tài chính khác.
- + Cán bộ, Nhà nghiên cứu
- + Giảng viên
- + Nhà quản trị, nhà quản lý, nhà điều hành tại các loại hình ngân hàng và tổ chức tín dụng khác sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm và kiến thức, năng lực chuyên môn.

- Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

- + Các tổ chức tín dụng (Ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài, Ngân hàng phát triển, Ngân hàng chính sách, tổ chức tín dụng vi mô, vv.)
- + Các tổ chức tài chính trong và ngoài nước khác như các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, vv.

- + Các cơ quan quản lý Nhà nước: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vụ chính sách tiền tệ trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ khác có liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- + Các doanh nghiệp khác nhau trong nền kinh tế.
- + Các công ty kiểm toán quốc tế, trong nước, các cơ quan kiểm toán của nhà nước.
- + Các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

1.2.3 Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Về kiến thức (9-12 CDR)

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.
3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu

6. Nắm vững và vận dụng các kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán của doanh nghiệp nói chung, Ngân hàng thương mại nói riêng.

7. Nắm vững nguyên lý chung, cũng như kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo Ngân hàng: Hệ thống tài chính, ngân hàng của Việt Nam, Quản trị ngân hàng thương mại, các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng, đặc biệt về huy động vốn, tín dụng, thanh toán quốc tế, thẻ,...

8. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để biết cách đánh giá, lựa chọn các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, cũng như phân tích, ra quyết định và hoạch định chính sách liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

9. Nắm vững và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động đầu tư, chứng khoán.

10. Nắm được các kiến thức về bảo hiểm, ngành liên quan trực tiếp tới ngân hàng

2.2 Về kỹ năng: (4 - 5 CDR)

a. Kỹ năng nghề nghiệp

11. Có kỹ năng nghiệp vụ về các hoạt động của các loại hình ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong nước và quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, thanh toán quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro, đầu tư, vv. và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác trong đầu tư, tài chính doanh nghiệp, tài chính công, tài chính quốc tế;

12. Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị và có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong ngành ngân hàng.

13. Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính – ngân hàng để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

b. Kỹ năng mềm

14. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

15. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

16. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh

2.3 Năng lực tự chủ về chịu trách nhiệm: (2-3 CDR)

17. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

18. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

19. Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	X	X	X															
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																				
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>																				
1	CSCS11	Chính sách công			X	X														
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế				X	X													
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			X	X						X							X	
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế			X	X														
5	TOKT05	Kinh tế lượng			X	X														
6	KHMI03	Kinh tế vi mô 2				X	X					X	X							
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán		X					X	X	X									
8	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế			X	X														
9	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh						X											X	
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>																				
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư			X	X														
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế			X	X														
3	QTMC02	Marketing căn bản			X	X														
4	LUKT02	Pháp luật kinh tế			X	X														
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh			X	X														
2.2. Kiến thức ngành																				
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc (Đối với ngành Kinh tế)</i>																				

1	TCBH01	Bảo hiểm				x			x							x								
2	TCKH04	Kế toán tài chính							x	x	x					x	x	x						
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ				x	x																	
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại			x				x															
5	TCCO21	Quản lý tài chính công			x	x			x															
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp							x														x	
7	TCCK25	Thị trường chứng khoán			x				x															
2.2.2. Ngành lựa chọn (Đối với ngành Kinh tế)																								
1	QTKD13	Quản trị kinh doanh				x	x																	
2	TCQT12	Tài chính quốc tế				x	x		x															
3	TCTO10	Toán tài chính				x	x																	
2.3. Kiến thức chuyên ngành																								
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																								
1	TCKT05	Kế toán ngân hàng							x							x							x	
2	TCTW01	Ngân hàng Trung ương								x						x							x	
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính								x													x	x
4	TCQN13	Quản trị ngân hàng thương mại								x						x							x	
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế								x						x							x	
6	TCTD01	Thẩm định tín dụng								x						x							x	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																								

1	TCĐG01	Định giá tài sản			x					x		x									
2	TCKT22	Kiểm toán tài chính		x		x															
3	QTMC04	Marketing Ngân hàng									x				x				x		
4	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán		x		x															
5	ĐTRR06	Quản trị rủi ro		x		x															
6	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư								x									x	x	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp																					
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp								x	x					x	x	x	x	x	x
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp								x	x					x	x	x	x	x	x

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **135 tín chỉ**

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

6. Cách thức đánh giá (thang điểm)

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

7. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **134 tín chỉ**

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương	<u>41 tín chỉ</u>
(không bao gồm GD thể chất và GD quốc phòng)	
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	<u>93 tín chỉ</u>
+ Kiến thức cơ sở ngành	32 tín chỉ
<i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>	<i>26 tín chỉ</i>
<i>Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ Kiến thức ngành	27 tín chỉ
<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>	<i>21 tín chỉ</i>
<i>Kiến thức ngành lựa chọn</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ Kiến thức chuyên ngành	24 tín chỉ
<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>	<i>18 tín chỉ</i>
<i>Kiến thức chuyên ngành lựa chọn</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ Thực tập và Khoá luận	10 tín chỉ

8. Nội dung chương trình.

TT	Mã số	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&QP)			
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Kiến thức cơ sở ngành			
2.1.1	<i>Cơ sở ngành bắt buộc</i>			
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	2
5	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
6	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4

7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
8	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
9	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
2.1.2	<i>Cơ sở ngành tự chọn</i>			
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
2	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	5
3	QTMC02	Marketing căn bản	3	5
4	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
5	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	5
2.2	<i>Kiến thức ngành</i>			
2.2.1	<i>Ngành bắt buộc</i>			
1	TCBH01	Bảo hiểm	3	6
2	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
3	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	5
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
7	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
2.2.2	<i>Ngành tự chọn</i>			
1	QTKD13	Quản trị kinh doanh	3	6
2	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
3	TCTO10	Toán tài chính	3	6
2.3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>			
2.3.1	<i>Chuyên ngành bắt buộc</i>			
1	TCKT05	Kế toán ngân hàng	3	6
2	TCTW01	Ngân hàng Trung ương	3	7
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
4	TCQN13	Quản trị ngân hàng thương mại	3	7
5	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
6	TCTD01	Thẩm định tín dụng	3	6
2.3.2	<i>Chuyên ngành tự chọn</i>			
1	TCĐG01	Định giá tài sản	3	7

2	TCKT22	Kiểm toán tài chính	3	7
3	QTMC04	Marketing Ngân hàng	3	6
4	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	7
5	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	7
6	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
2.4	<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</i>			
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC & Quốc phòng)			134	